

Bản án số 161/2024/DS-PT

Ngày: 22 - 4 - 2024

V/v “tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Quốc

Ông Nguyễn Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2024/QĐ - PT ngày 11 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 405/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Trần Bé N**, sinh năm 1966;

1.2. Bà **Lữ Cẩm N1**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: D Khu V, phường T, quận Ô, TP ..

Ông N ủy quyền cho bà N1 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N và bà N1: ông Nguyễn Văn H là Luật sư – Văn Phòng Luật sư Nguyễn Văn H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1987; Địa chỉ: 1, Hoàng Văn T1, phường A, quận N, TP . (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024), (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, TP ..

3.2. Ông **Trần Văn T2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, TP ..

3.3. Ông **Trương Hoàng E**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, TP ..

3.4. Ông **Trần Văn K1**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, TP ..

(Những người làm chứng có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

*Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lữ Cẩm N1 trình bày:

Vào tháng 10/2016, bà Nguyễn Thị Kim T cho vợ chồng bà Lữ Cẩm N1, ông Trần Bé N toàn quyền canh tác trên khu đất khoảng 4000 m², tọa lạc tại số B, KV T, phường T, quận Ô, TP .. Hiện trạng thửa đất lúc bản giao có 22 cây sầu riêng, đất đai khô cằn, hoang tàn, sầu riêng thì chết dần, trơ trọi. Hai bên thỏa thuận vợ chồng bà N1 được toàn quyền trồng thêm các loại cây ăn quả, hoa màu trên đất và được quyền chặt bỏ những cây không có giá trị về kinh tế, vợ chồng bà N1 chịu trách nhiệm trồng thêm cây và chăm sóc, thu hoạch khi tới vụ, bà T chịu trách nhiệm cung cấp các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, số tiền bán nông sản sau khi thu hoạch được sẽ chia đều cho hai bên sau khi trừ chi phí phân, thuốc do bà T cung cấp. Từ năm 2016 đến tháng 5/2021 số tiền thu được từ việc bán nông sản là 55.000.000 đồng. Sau hơn 04 năm chăm sóc, phục hồi sức đất màu mỡ làm cho giá trị tăng thêm. Bên cạnh đó, vợ chồng bà N1 có trồng thêm số lượng các loại cây như: 48 cây sầu riêng Ri6; 47 cây mít; 16 cây bơ.

Đến tháng 5/2021 bà T tuyên bố thu hồi mảnh đất, bà T cùng gia đình nhiều lần chửi bới, xúc phạm danh dự và nhân phẩm vợ chồng bà N1. Trong thời gian hai bên chưa thỏa thuận xong thì bà T tự ý lấy lại khu đất trên để canh tác và chặt bỏ rất nhiều cây do vợ chồng bà N1 trồng thêm mà chưa được sự đồng ý của vợ chồng bà N1. Do đó, bà N1 và ông N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó, tiền đầu tư cây trồng (sầu riêng, mít, bơ) là 80.000.000 đồng, tiền công cải tạo vườn cây và chăm sóc cây trái là 120.000.000

đồng. Ngày 22/8/2023, bà N1, ông N có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện buộc bà T trả số tiền 120.000.000 đồng tiền công cải tạo vườn và chăm sóc cây, bà N1 và ông N phải chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 184.169.000 đồng là giá trị các cây trồng do bà N1 và ông N đã trồng (cụ thể giá trị 43 cây sầu riêng là 177.719.000 đồng, 06 cây mít là 6.450.000 đồng).

- Theo đơn yêu cầu phản tố, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Thanh D là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày (ở giai đoạn sơ thẩm):

Vào tháng 01/2016, vợ chồng bà Lữ Cẩm N1 và ông Trần B Năm thấy bà Nguyễn Thị Kim T có vườn sầu riêng, mít, dừa cho thu hoạch mỗi vụ đều có lãi nên đến bàn với vợ chồng bà T để canh tác rồi chia đôi lợi nhuận và các bên đã thoả thuận miệng với nhau như sau:

Tổng số tiền sau khi thu hoạch được và trừ chi phí đầu tư phân, thuốc sẽ được chia đôi. Nếu vợ chồng bà N1 sửa chữa, cải tạo vườn thì phải báo cho bà T biết. Đồng thời, nếu bà T có nhu cầu lấy lại vườn thì vợ chồng bà N1 phải trả. Nhưng vợ chồng bà N1 đã không làm theo thoả thuận, không chia tiền, làm gì cũng không báo cho bà T biết, cố tình gian dối làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Đến năm 2021, thì vợ chồng bà N1 không làm nữa và có nói là trả lại đất. Nay vợ chồng bà N1 yêu cầu bà T phải trả số tiền giá trị các cây trồng với số tiền 184.169.000 đồng là giá trị các cây trồng do bà N1 và ông N đã trồng (cụ thể giá trị 43 cây sầu riêng là 177.719.000 đồng, 06 cây mít là 6.450.000 đồng) thì bà T không đồng ý. Trong suốt 04 năm vợ chồng bà N1, ông N chỉ có chia tiền hoa lợi cho bà T từ việc bán nông sản 40.000.000 đồng. Theo quy luật tự nhiên thì cây sầu riêng khoảng 04 năm tuổi thì cho trái. Sau khi vợ chồng bà N1 trả đất thì bà T là người quản lý chăm sóc và bán nông sản các cây trái trên đất để thu hoa lợi.

Bà T có yêu cầu phản tố buộc bà N1 và ông N phải trả lại số tiền bán nông sản cụ thể như sau:

70 cây sầu riêng, mỗi năm thu hoạch 120.000.000 đồng. Từ năm 2016 đến năm 2021 là 05 năm. Tổng 600.000.000 đồng chia đôi, cụ thể mỗi năm bà T nhận được 60.000.000 đồng, vợ chồng ông N bà N1 nhận được 60.000.000 đồng. Như vậy 05 năm, vợ chồng bà N1, ông N phải trả cho bà T 300.000.000 đồng.

30 cây mít, mỗi tháng thu hoạch 2.000.000 đồng, 05 năm là 120.000.000 đồng, chia đôi. 05 năm vợ chồng bà N1 ông N phải trả cho bà T 60.000.000 đồng.

10 cây dừa, mỗi tháng thu hoạch 2.000.000 đồng, 05 năm là 120.000.000 đồng, chia đôi. Vợ chồng bà N1 ông N phải trả cho bà T 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà N1 và ông N phải trả cho bà T là 420.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút lại yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về

việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền 420.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS -ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Chấm dứt hợp đồng hợp tác giữa bà Lữ Cẩm N1, ông Trần Bé N với bà Nguyễn Thị Kim T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Cẩm N1, ông Trần Bé N đối với bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T trả cho bà Lữ Cẩm N1, ông Trần Bé N số tiền 184.169.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sở hữu 34 cây sầu, riêng 06 cây mít hiện do bà T đang quản lý, chăm sóc và khai thác hoa lợi.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu bà Lữ Cẩm N1 và ông Trần Bé N hoàn trả số tiền 420.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lữ Cẩm N2 và ông Trần Bé N số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 184.169.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, còn nguyên đơn không đồng ý, thống nhất như án sơ thẩm đã quyết định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phân tích các tính tiết của vụ án, việc hợp tác chăm sóc, đầu tư trồng cây ăn trái giữa nguyên đơn với bị đơn, cho rằng, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phát sinh tranh chấp, đến tháng 5/2021, nguyên đơn giao lại khu vườn cho bị đơn. Kết quả xem xét thẩm định, định giá xác định số cây do nguyên đơn trồng 43 cây sầu riêng, từ 05 đến 06 năm tuổi có giá 177.917.000 đồng và 06 cây mít từ 05 đến 06 năm tuổi có giá trị là 6.450.000 đồng; tổng số tiền 184.169.000 đồng. Số cây này các bên tranh chấp, nhưng là do nguyên đơn chăm sóc từ khi còn là cây con, sau khi giao vườn lại cho phía bà Thôi t cây bắt đầu cho trái, như vậy bị đơn là người hưởng hoa lợi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có trách nhiệm trả lại giá trị cây cho nguyên đơn số tiền 184.169.000 đồng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự về “*tranh chấp hợp đồng hợp tác*”, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Năm 2016, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp tác đầu tư, cải tạo vườn cây ăn trái của bị đơn và trồng thêm một số cây như: sầu riêng, mít, bơ trên khu vườn 4.930 m², thửa đất 1076, tờ bản đồ số 02, thuộc khu vực T, phường T, quận Ô, TP .. Khi hợp tác, nguyên đơn có trồng thêm cây mới và ra công chăm sóc cùng với những cây của bị đơn có sẵn nhưng bị cản cỗi, còn bị đơn cung cấp vật tư, phân, thuốc. Nguyên đơn cho rằng, có những thời điểm nguyên đơn cũng xuất ra chi phí để mua phân, thuốc đầu tư cho cây sinh trưởng. Theo thỏa thuận sau khi thu thu hoạch hoa lợi và cần trừ chi phí vật tư phân, thuốc... lợi nhuận thu được, chia đôi cho mỗi bên. Trong quá trình thực hiện thì phía bị đơn thừa nhận, nguyên đơn có chia cho bị đơn 05 đợt số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng, sau đó phát sinh tranh chấp. Đến tháng 5/2021, bị đơn lấy lại vườn cây và chấm dứt việc hợp tác làm ăn chung với nguyên đơn.

[3] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định, ngoài những cây sầu riêng, dừa đã có sẵn trên 10 năm tuổi, thì có 43 cây sầu riêng từ 05 đến 06 năm tuổi có giá trị 177.917.000 đồng và 06 cây mít từ 05 đến 06 năm tuổi có giá trị là 6.450.000 đồng, tổng giá trị các cây này là 184.169.000 đồng. Đối chiếu với độ tuổi của các cây trồng đã được thẩm định và thời gian mà hai bên bắt đầu hợp tác làm ăn chung thì có cơ sở xác định số cây sầu riêng, mít nêu trên (từ 5 – 6 năm tuổi) là do nguyên đơn trồng và chăm sóc sau thời điểm nguyên đơn và bị đơn

hợp tác trồng cây và cải tạo vườn. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trương Hoàng E có lời khai trong hồ sơ vụ án: bà Đ cũng mua cây giống về trồng vào thời điểm năm 2017 cùng với nguyên đơn, còn ông Hoàng E thì phụ tiếp nguyên đơn trồng cây nên những người này biết rõ về số cây sầu riêng Ri6 là do nguyên đơn mua về trồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp hóa đơn bán lẻ, ghi tên người mua cây là “Chú Sáu T3” và cho rằng, bị đơn mua cây giống vào năm 2017 về giao cho nguyên đơn trồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn không giao nộp tài liệu này khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ để Tòa án xác minh làm rõ nếu thấy cần thiết. Giai đoạn phúc thẩm, bị đơn mới cung cấp tài liệu này nhưng việc giải thích lý do không cung cấp ở giai đoạn sơ thẩm không phải do trở ngại khách quan nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xác định 43 cây sầu riêng và 06 cây mít (từ 5 đến 6 năm tuổi) do nguyên đơn trồng, chăm sóc từ khi còn là cây con. Khi bị đơn lấy lại vườn cây, chấm dứt việc hợp tác làm ăn chung với nguyên đơn thì các cây này đã bắt đầu cho trái, khai thác sử dụng lâu dài và bị đơn tiếp tục chăm sóc để hưởng hoa lợi. Nếu không buộc bị đơn trả lại giá trị các cây do nguyên đơn trồng sẽ làm thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn qua thời gian dài trồng và chăm sóc. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị đơn được quyền tiếp tục khai thác, chăm sóc và hưởng hoa lợi nhưng phải hoàn trả cho nguyên đơn giá trị cây trồng (43 cây sầu riêng và 06 cây mít) tổng số tiền theo kết quả định giá 184.169.000 đồng là phù hợp có lý, có tình.

[5] Vì vậy, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận như quan điểm đề của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí nhưng do là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q.Ô Môn;
- TAND Q.Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh